

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ LỘC  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08-4-2022

V/v ly hôn giữa ông N và bà T

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* ông Trần Đức Cường.

*Các Hội thẩm Nhân dân:*

Ông Trần Văn Ngọc.

Bà Trần Thị Thu Thủy.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Trần Công Thương, là Thư ký của Tòa án Nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

Ngày 08 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Vũ Văn N, sinh năm 1965.

2. *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963.

Cùng nơi cư trú: thôn B, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa, ông N và bà T có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Vũ Văn N trình bày: Ông N và bà T kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 01 năm 1988 tại Ủy ban Nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Hà Nam Ninh (nay là Ủy ban Nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam Định). Vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, thường xuyên cãi chửi nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm

2017. Xét thấy, hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể cùng nhau chung sống, ông N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà T.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: ông N không yêu cầu giải quyết.

Lời khai tại Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà T và ông N xác lập quan hệ vợ chồng đúng như ông N đã trình bày. Cuộc sống gia đình không được như mong muốn, nhiều năm nay, hai người không còn chung sống mặc dù đã được anh em, bạn bè khuyên nhủ nhiều lần, thuyết phục ông quay về đoàn tụ. Bản thân là một người mẹ, người vợ vẫn muốn có một gia đình trọn vẹn, vì thế bà không đồng ý ly hôn. Ngoài ra, bà T không có yêu cầu gì khác.

Về con chung: Ông N và bà T thống nhất có ba con tên là Vũ Thùy L, sinh năm 1989; Vũ Tiến C, sinh năm 1991 và Vũ Thị P, sinh năm 1993 cả ba người con đã trưởng thành và lập gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Giữa ông N và bà T kết hôn với nhau tự nguyện, đã đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 01 năm 1988 tại Ủy ban Nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam Định đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Ông N có yêu cầu ly hôn, bà T không đồng ý ly hôn, Tòa án đã tiến hành hòa giải để hai người hàn gắn tình cảm nhưng ông N vẫn giữ yêu cầu ly hôn bà T. Xét thấy, cuộc sống vợ, chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, hai người đã sống ly thân từ năm 2017, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Như vậy, hai người đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên việc giải quyết cho ông N ly hôn bà T là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Giữa ông N và bà T có ba con tên là Vũ Thùy L, sinh năm 1989; Vũ Tiến C, sinh năm 1991 và Vũ Thị P, sinh năm 1993 cả ba người con đã trưởng thành và tự lập được nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông N không và bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Ông N có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm, quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Ông N và bà T có quyền kháng cáo đối với bản án này quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Cho ông Vũ Văn N ly hôn bà Nguyễn Thị T.

2. Về con và tài sản chung: Tòa án không giải quyết.

3. Về án phí: Ông Vũ Văn N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số: 0003959 ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc, ông N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Ông N và bà T có quyền kháng cáo đối với bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện Kiểm sát ND huyện Mỹ Lộc;
- Tòa án ND tỉnh Nam Định;
- Viện Kiểm sát ND tỉnh Nam Định;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Mỹ Lộc;
- Ủy ban ND xã M, huyện L;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Trần Đức Cường**